

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-4-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 17, ấp T, xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Bá Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 17, ấp T, xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Bá Đ chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, Quyển số 01/2007, ngày 04/6/2007. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2016 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, ai cũng cho là mình

đúng người kia sai nên không có sự tôn trọng lẫn nhau. Hơn nữa, ông Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, sống hời hợt với vợ con. Bà L đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Đ không thay đổi mà có khi còn đánh bà L. Bà L đã cố gắng cam chịu nhưng vẫn không hòa hợp được nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Bá Đ.

+ *Về con chung*: Ông Đạt và bà Lan có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 01/7/2007 và Lê Hoàng Y, sinh ngày 22/10/2009. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 01/7/2007 và Lê Hoàng Y, sinh ngày 22/10/2009. Bà L yêu cầu ông Lê Bá Đ phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N và cháu Y đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà L vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên; về việc nuôi dưỡng con chung: do cháu Lê Hoàng N đã có ý kiến xin được ở với ông Đ nên bà L tôn trọng ý kiến của con. Vì vậy, bà Lan yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Y, sinh ngày 22/10/2009; đồng ý để ông Lê Bá Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 01/7/2007; bà L và ông Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi chung. Về tài sản chung và vay nợ chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Lê Bá Đ đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Lê Bá Đ.

+ Về con chung: Do cháu Lê Hoàng N có nguyện vọng được ở với cha và cháu Lê Hoàng Y có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Y, ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng N.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Lê Bá Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Bá Đ là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, Quyển số 01/2007, ngày 04/6/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và không có sự tôn trọng lẫn nhau. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã ly thân. Ông Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Đ không đến và không có ý kiến, điều này cho thấy ông Đ không quan tâm và cũng không có thiện chí để Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà L và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lyêu cầu được ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 01/7/2007 và Lê Hoàng Y, sinh ngày 22/10/2009. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Y; đồng ý để ông Lê Bá Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng N; bà Lan và ông Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo kết quả xác minh của Tòa án thì ông Đ làm nghề tự do và đã có nhà ở ổn định tại Tổ 22, ấp T, xã B. Vì vậy, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung đủ 07 tuổi trở lên, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Lê Hoàng Y cho bà Nguyễn Thị Ngọc L được trực tiếp

nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Hoàng N cho ông Lê Bá Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 266, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Lê Bá Đ.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Lê Bá Đ.

3. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hoàng Y, sinh ngày 22/10/2009 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 01/7/2007 cho ông Lê Bá Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Bá Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án

có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014647 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Ngọc L không phải nộp thêm.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- THADS (01);
- UBND xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền